TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 05/02/2026
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Nhật.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Phú Hào và ông Huỳnh Khắc Hiếu

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phan Thị Thanh Nguyệt – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Nguyễn Trung T, sinh năm 1997; Trú tại: Ấp D, xã P, tỉnh Cà Mau. *Có đơn xin giải quyết vắng mặt*.

- *Bị đơn*: Lê Mỹ U, sinh năm 2002; Trú tại: Khu phố X, phường B, tỉnh Đắk Lắk. *Có đơn xin giải quyết vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và đơn xin giải quyết vắng mặt, nguyên đơn ông Nguyễn Trung T và bị đơn bà Lê Mỹ U thống nhất trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Vợ chồng ông T và bà U có thời gian tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào năm 2020 tại Uỷ ban nhân dân xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk) được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23/2020 ngày 07/5/2020. Sau thời gian chung sống hạnh phúc thì giữa 2 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tính tình không hợp nhau, cách nhìn nhận và xử sự trong cuộc sống khác nhau dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống gia đình không hoà hợp, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết cho thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống có 01 con chung là: Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 17/5/2020. Các đương sự thống nhất giao con chung cho bị đơn Lê Mỹ U trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Không yêu cầu nguyên đơn Nguyễn Trung T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản*: Không yêu cầu giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Nguyễn Trung T xin ly hôn với bị đơn bà Lê Mỹ U là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có địa chỉ tại phường B, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc "*Thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm quy thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực*".

[1.2] Về giải quyết vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A, thành phố T (Nay là Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Đắk Lắk) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23/2020 ngày 07/5/2020 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, phát sinh những mâu thuẫn như nguyên đơn trình bày. Xét thấy, mâu thuẫn giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Trung T được ly hôn với bị đơn bà Lê Mỹ U.

[2.2] Về con chung: Các đương sự đã thống nhất giao con chung Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 17/5/2020 cho bị đơn Lê Mỹ U trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Bị đơn không yêu cầu ông Nguyễn Trung T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí*:* Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông Nguyễn Trung T được ly hôn với bị đơn bà Lê Mỹ U.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 17/5/2020 cho bị đơn bà Lê Mỹ U trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Nguyên đơn ông Nguyễn Trung T không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí HNGĐ-ST: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn ông Nguyễn Trung T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000061 ngày 06 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Minh Nhật

***Nơi nhận*:**
- TAND, VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 11 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- UBND phường B, tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.